

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/DS-PT.

Ngày: 11/3/2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Kha

Các thẩm phán:

Ông Lê Lâm Sơn

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Bà Mai Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và nợ hụi”.

Do bản án sơ thẩm số: 146/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2019/QĐPT-DS ngày 25 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Ngọc L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà 151 tổ 10, ấp T, xã H, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Thúy N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số nhà 57 tổ 29, khu phố CX, thị trấn K1, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Tô Trung K, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Số nhà 57 tổ 29 khu phố CX, thị trấn K1, huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Trung K: Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q - Văn phòng Luật sư Thụy Q thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Trung K.

(Các đương sự và Luật sư có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc L trình bày:

Ngày 15/10/2016 bà có cho bà Huỳnh Thị Thúy N vay số tiền 50.000.000 đồng, Bà N có làm biên nhận vay tiền, hai bên thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Bà N đóng lãi được 12 tháng với tổng số tiền 18.000.000 đồng. Bà không đồng ý xem xét phần lãi đã đóng, bà yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/11/2017 cho đến nay, do khoảng thời gian này Bà N không đóng lãi cho bà.

Ngoài số tiền vay, vợ chồng Bà N ông K có tham gia chơi hụi trong phần dây hụi do bà làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi 5.000.000 đồng/tháng, bắt đầu ngày 20/7/2016 đến ngày 20/7/2018 thì mãn hụi, gồm 25 phần, 01 tháng khui 01 lần, hụi có hoa hồng, Bà N chơi 01 phần (chân) hụi. Đến ngày 20/10/2016 Bà N hốt hụi được số tiền 92.700.000 đồng. Bà N đóng được 13 lần x 5.000.000 đồng = 65.000.000 đồng, còn lại 08 lần hụi chết Bà N còn nợ trong dây hụi này là 08 lần x 5.000.000 đồng = 40.000.000 đồng (từ tháng 12/2017).

- Dây hụi 1.000.000 đồng/15 ngày, đóng vào ngày 15 và 30 hàng tháng, bắt đầu ngày 30/5/2017 đến ngày 30/12/2018 thì mãn hụi, 01 tháng khui 02 lần, hụi gồm 39 phần, có hoa hồng, Bà N chơi 04 phần hụi và đã hốt được lần lượt:

Lần 01 ngày 30/5/2014 với số tiền 29.640.000 đồng, lần 02 ngày 15/6/2017 với số tiền 28.380.000 đồng, lần 03 ngày 15/9/2017 với số tiền 31.180.000 đồng, lần 04 ngày 30/9/2017 với số tiền 31.400.000 đồng. Tổng cộng 04 chân hụi Bà N hốt được số tiền 120.600.000 đồng, còn lại 27 lần hụi chết Bà N còn nợ đối với dây hụi này là 1.000.000 đồng x 27 lần x 04 = 108.000.000 đồng.

- Dây hụi 5.000.000đ/tháng, bắt đầu ngày 30/6/2017 đến ngày 30/8/2019 thì mãn hụi, 01 tháng khui 01 lần, gồm 27 phần, hụi có hoa hồng, Bà N chơi 02 phần hụi. Ngày 30/6/2017 Bà N đã hốt 01 phần hụi được số tiền 98.800.000 đồng, đến ngày 30/8/2017 Bà N hốt tiếp 01 chân còn lại được số tiền 98.800.000 đồng. Tổng cộng 02 chân hụi bà hốt được số tiền 197.600.000 đồng.

Bà N đóng hụi chết được 04 lần x 5.000.000 đồng = 20.000.000 đồng, Bà N còn nợ lại 10 lần hụi chết x 5.000.000 đồng x 02 chân = 100.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, bắt đầu ngày 10/8/2017 đến ngày 10/01/2019 thì mãn hụi, 01 tháng khui 01 lần, gồm 35 phần, hụi có hoa hồng, Bà N chơi 01 phần hụi. Ngày 25/11/2017 Bà N đã hốt được số tiền 54.400.000 đồng. Bà N đóng hụi chết được 06 lần x 2.000.000 đồng = 12.000.000 đồng, còn lại 27 lần hụi chết Bà N không đóng với số tiền 54.000.000 đồng.

- Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng bắt đầu ngày 25/9/2017 đến ngày 10/2/2019 thì mãn hụi, 01 tháng khui 01 lần, hụi có hoa hồng, Bà N chơi 01 chân. Ngày 10/12/2017 Bà N hốt hụi được số tiền 52.240.000 đồng. Bà N đóng hụi chết 29 lần và không đóng nữa, hiện Bà N còn nợ 58.000.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Bà N ông K trả một lần tổng số tiền vay và nợ hụi là 525.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 03/12/2017 đến khi xét xử, bà không đồng ý cho Bà N trả dần.

Bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N trình bày:

Bà có quen biết với bà L và có vay tiền và chơi hụi của bà L. Ngày 15/10/2016 bà có vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, bà có làm biên nhận vay tiền có thỏa thuận lãi suất, bà đã đóng tiền lãi từ khi vay đến tháng 11/2017 là 12 tháng, lãi 3%/tháng với số tiền 18.000.000 đồng. Từ tháng 12/2017 đến nay bà không còn khả năng đóng lãi và chưa trả tiền gốc cho bà L.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét tiền lãi đã đóng và đồng ý đóng lãi cho bà L từ ngày 15/10/2016 đến ngày xét xử theo lãi suất quy định pháp luật.

Ngoài tiền vay bà có tham gia chơi hụi trong nhiều dây hụi do bà L làm chủ hụi, nhưng bà không nhớ cụ thể các lần hụi bà hốt bao nhiêu tiền và ngày tháng năm hốt hụi, bà chỉ nhớ đã hốt hụi tổng cộng được số tiền hụi 517.540.000 đồng. Bà đã đóng hụi chết cho bà L được số tiền 141.000.000 đồng, bà yêu cầu số tiền bà đã đóng lãi cho bà L trừ vào số tiền bà nhận, cụ thể: 517.540.000 đồng - 141.000.000 đồng = 376.540.000 đồng, nay bà đồng ý trả nợ vay 50.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/10/2016 đến ngày xét xử và trả tiền hụi số tiền 376.540.000 đồng cùng lãi suất theo quy định pháp luật kể từ ngày 03/12/2017 đến khi xét xử. Việc vay tiền và chơi hụi với bà L là do bà tự chơi không liên quan đến chồng bà nên ông K không biết việc này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Trung K trình bày:

Việc vay tiền và chơi hụi giữa Bà N và bà L thì ông hoàn toàn không liên quan, trong toàn bộ quy trình giao dịch vay tiền và chơi hụi ông đều không biết, không có mặt và không ký tên lên những giấy vay tiền. Bà N vay tiền và chơi

hội chỉ sử dụng vào mục đích cá nhân không nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu cấp thiết của gia đình hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình. Vì vậy ông không đồng ý trả tiền thay cho Bà N.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 146/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang đã xét xử, quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc L.

- Buộc bà Huỳnh Thị Thúy N và ông Tô Trung K phải có nghĩa vụ trả số tiền 501.608.144 đồng, trong đó gồm tiền vay 50.000.000 đồng, nợ hội 376.540.000 đồng, tiền lãi 75.068.144 đồng cho bà Đoàn Thị Ngọc L.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 05/11/2018 bà Huỳnh Thị Thúy N, ông Tô Trung K cùng có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung:

- Bà Huỳnh Thị Thúy N và ông Tô Trung K kháng cáo cùng nội dung: khoản nợ vay và nợ hội là do cá nhân Bà N giao dịch với bà L, ông K không biết và không liên quan đến số nợ vay và nợ hội của Bà N.

- Bà Huỳnh Thị Thúy N còn kháng cáo: đối với tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng cấp sơ thẩm tính lãi chưa chính xác, do bà đã trả lãi từ năm 2016 nhưng cấp sơ thẩm không tính lại tiền lãi phần này. Ngoài ra ngày 16/12/2017 bà có trả cho bà L 5.000.000 đồng nhưng không được khấu trừ vào bản án. Cách tính lãi suất hội của cấp sơ thẩm cũng chưa đúng theo quy định, mức lãi suất hội bà phải trả là 33.630.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà L yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, buộc Bà N ông K trả cho bà số tiền nợ vay và nợ hội và tiền lãi tổng cộng là 501.608.144 đồng, xác định ông K biết việc vay tiền và chơi hội của Bà N.

Bị đơn Bà N, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K là Luật sư Nguyễn Trần Thụy Q trình bày:

Quá trình chơi hội giữa Bà N và bà L ông K không biết, căn cứ khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, Bà N không sử dụng số tiền này chi tiêu trong gia đình nên không có đủ cơ sở để buộc ông K phải trả nợ cùng với Bà N. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông K.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét kháng cáo của Bà N ông K về trách nhiệm cùng trả nợ của ông K, Bà N ông K cho rằng ông K không liên quan, không biết về khoản nợ của Bà N với bà L nhưng không chứng minh được số tiền nợ trên được Bà N chi xài cho mục đích cá nhân. Do đó kháng cáo của ông K Bà N về nội dung này không có căn cứ chấp nhận.

Về khoản tiền vay: Bà N cho rằng bà trả 1.500.000đ/tháng bao gồm gốc và lãi là mâu thuẫn lời trình bày của Bà N, Tòa án sơ thẩm đã căn trừ số tiền 18.000.000 đồng bà đã trả. Đối với số tiền 5.000.000 đồng Bà N cho rằng bà đã trả cho bà L, bà L xác nhận có việc này nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa căn trừ là có thiếu sót. Về lãi suất tiền vay cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi là chưa phù hợp mà phải áp dụng khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để tính lãi nên kháng cáo của Bà N về phần này là có cơ sở chấp nhận.

Về tính lãi suất tiền hui: Hai bên thống nhất số tiền hui Bà N còn thiếu là 376.540.000 đồng tính lãi từ ngày 03/12/2017 đến ngày xử sơ thẩm 25/10/2018. Do đó căn cứ Điều 30 Nghị định 144/2006 ngày 27/11/2006; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi hui là 10%/năm trên 376.540.000 đồng mới phù hợp.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông K, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà N; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 146/2018/DS-ST ngày 25/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện K2 về khoản tiền vay, tiền lãi hui và số tiền 5.000.000 đồng được khấu trừ cho Bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Nguyên đơn và bị đơn thống nhất ngày 15/10/2016 Bà N ký biên nhận vay của bà L số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, Bà N đã đóng lãi được 18.000.000 đồng. Ngoài ra Bà N có tham gia chơi hui do bà L làm chủ, Bà N đã hốt hui tổng cộng 517.540.000 đồng, Bà N đóng lại được 141.000.000 đồng, còn nợ lại tiền hui của bà L là 376.540.000 đồng. Bà L khởi kiện yêu cầu Bà N ông K trả cho bà L tiền vay và tiền hui tổng cộng 426.540.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc Bà N và ông K phải có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền vay, nợ hui và lãi tổng cộng là 501.068.144 đồng. Bà N ông K không đồng ý bản án sơ thẩm nên kháng cáo.

[2]. Xét kháng cáo của Bà N và ông K kháng cáo cùng nội dung: khoản nợ

vay và nợ hui là do cá nhân Bà N giao dịch với bà L, ông K không biết và không liên quan đến số nợ vay và nợ hui của Bà N, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm ông K đều xác định việc Bà N vay tiền và tham gia chơi hui của bà L ông K không biết và không liên quan đến giao dịch của Bà N với bà L, Bà N vay tiền và chơi hui sử dụng vào mục đích cá nhân, không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên ông không đồng ý trả nợ cùng Bà N. Tuy nhiên Bà N và ông K đều không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai khoản tiền vay và tiền hui Bà N nợ bà L là nợ riêng của Bà N, Bà N không sử dụng vào mục đích sinh hoạt trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm Bà N và ông K xác định hiện tại Bà N và ông K chưa ly hôn, do đó hôn nhân giữa Bà N và ông K là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận, giao dịch vay tiền và tham gia chơi hui giữa Bà N với bà L được Bà N xác lập trong thời kỳ hôn nhân. Đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm Bà N xác định số tiền vay và tiền hui của bà L bà còn dùng để kinh doanh buôn bán yến và mỹ phẩm, việc kinh doanh của Bà N ông K đều biết nên việc vay nợ và chơi hui của Bà N cũng để sử dụng vào mục đích kinh doanh của vợ chồng Bà N ông K. Do đó căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc ông K cùng Bà N cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L là phù hợp với pháp luật và đạo đức xã hội.

[3]. Đối với kháng cáo của Bà N cho rằng tiền lãi của khoản vay 50.000.000 đồng cấp sơ thẩm tính lãi chưa đúng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm Bà N và bà L thống nhất đối với số tiền vay 50.000.000 đồng Bà N đã trả lãi được 18.000.000 đồng, Bà N đồng ý trả lãi đối với số tiền 50.000.000 đồng từ ngày 15/10/2016 và yêu cầu được khấu trừ 18.000.000 đồng đã đóng lãi.

Ngoài ra Bà N cho rằng ngày 16/12/2017 bà có trả thêm cho bà L 5.000.000 đồng nhưng chưa được cấp sơ thẩm khấu trừ. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L thừa nhận ngày 16/12/2017 Bà N có trả thêm cho bà số tiền 5.000.000 đồng.

Xét thấy giao dịch vay tiền giữa Bà N với bà L được thực hiện vào ngày 15/10/2016. Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005 thì lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố, bà L và Bà N thỏa thuận lãi suất của số tiền vay 50.000.000đ là 3%/tháng là vượt quá quy định. Do đó lãi suất được tính lại theo thời gian từ ngày 15/10/2016 đến ngày 25/10/2018 xét xử sơ thẩm như sau: 50.000.000đ x 1,125%/tháng x 24 tháng 10 ngày = 13.687.500 đồng. Khấu trừ số tiền Bà N đã đóng lãi 18.000.000 và 5.000.000 đồng Bà N đã trả cho bà L.

Tổng cộng gốc và lãi của khoản tiền vay là $50.000.000đ + 13.687.500đ - (18.000.000đ + 5.000.000đ) = 40.687.500 \text{ đồng}$.

Đối với kháng cáo của Bà N cho rằng lãi suất của tiền nợ hụi bà chỉ phải trả 33.630.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà N thừa nhận bà L hốt hụi cho bà số tiền 517.540.000 đồng, bà đóng lại được 141.000.000 đồng, còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bà L là 376.540.000 đồng. Xét thấy giao dịch hụi giữa Bà N và bà L hai bên không thỏa thuận lãi suất, Bà N và bà L **thống nhất tính lãi hụi từ ngày 03/12/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/10/2018 cấp sơ thẩm tính là 11 tháng 22 ngày là chưa chính xác. Như vậy thời gian tính lãi là 10 tháng 22 ngày. Do đó căn cứ Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, mức lãi suất Bà N phải trả cho bà L đối với số tiền 376.540.000 đồng được tính lại như sau: $376.540.000đ \times 0,833\%/tháng \times 11 \text{ tháng } 22 \text{ ngày} = 33.665.939đ$.**

Tổng gốc và lãi tiền hụi Bà N phải trả cho bà L là: $376.540.000đ + 33.665.939đ = 410.205.939đ$; làm tròn số là **410.205.500đ**

Như vậy Bà N ông K phải trả cho bà L số nợ tổng cộng: $410.205.500đ + 40.687.500đ = 450.893.000 \text{ đồng}$.

[4]. Về phần án phí bản án sơ thẩm buộc Bà N ông K trả số tiền $501.608.144đ \times 5\% = 24.064.326đ$ việc tính án phí này là chưa đúng theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; nên cần điều chỉnh lại phần án phí cho phù hợp.

Do vậy trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho Tô Trung Kiên, không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Trung K và bà Huỳnh Thị Thúy N về trách nhiệm cùng trả nợ của ông K, chấp nhận một phần kháng cáo của Bà N về tiền vay và tiền hụi. Sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất về phần án phí.

[5]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà N ông K phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là: $[20.000.000đ + ((450.893.000đ - 400.000.000đ = 50.893.000đ) \times 4\%)] = 20.000.000đ + 2.035.720đ = 22.035.720đ$; làm tròn số là 22.035.500đ (Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà L 12.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của cơ quan thi hành án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông K kháng cáo không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của cơ quan thi hành án.

Bà N kháng cáo được chấp nhận một phần và sửa bản án sơ thẩm nên Bà N không phải chịu án phí phúc thẩm, được nhận lại 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2016 của Chính phủ quy định về hội, họ, biểu, phường.

Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tô Trung K về việc không đồng ý trách nhiệm cùng trả nợ của ông Tô Trung K.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N về phần lãi suất nợ hui và khấu trừ một phần tiền nợ vay.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 146/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Ngọc L đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Thúy N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tô Trung K.

2. Buộc bà Huỳnh Thị Thúy N và ông Tô Trung K phải có nghĩa vụ trả số tiền **450.893.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng) cho bà Đoàn Thị Ngọc L;** (trong đó: gồm tiền vay gốc lãi là 40.687.500 đồng, nợ hui gốc và lãi là **410.205.500đ**).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Huỳnh Thị Thúy N, ông Tô Trung K phải nộp án phí là 22.035.500đ (Hai mươi hai triệu không trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Đoàn Thị Ngọc L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001973 ngày 07/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K2 tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Tô Trung K phải chịu án phí phúc thẩm 300.000đ, khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai số 0007662 ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K2.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Thúy N tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007661 ngày 06/11/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K2, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện K2;
- Chi cục THADS huyện K2;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Bá Kha

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Linh

Ngô Thị Minh Trang

Nguyễn Thị Kim Hương

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Hương

